TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:79/2024/DS-ST Ngày:26/6/2024 V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Gấm.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Đông.
2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lan Chi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Trong - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 464/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Trần Minh B, sinh năm 1999.
Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Ông Hồ Văn K, sinh năm 1972.
Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Anh B có mặt; ông K, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2023, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Trần Minh B trình bày:

Do ở cùng địa phương, có quen biết với nhau nên ông Huỳnh Văn G có bán thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông Hồ Văn K, bà Nguyễn Thị T để phát triển kinh tế gia đình. Hai bên thoả thuận miệng rằng bên ông G sẽ giao thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông K và mỗi lượt giao có ghi vào sổ giao hàng (bên mua có ký nhận). Kết

thúc lần chăn nuôi, khi xuất chuồng vợ chồng ông K sẽ thanh toán hết tiền cho ông G, rồi lại tiếp tục giao hàng cho lần chăn nuôi tiếp theo. Tuy nhiên, thực tế mỗi lần xuất chuồng, vợ chồng ông K không thanh toán hết nợ mà nhập vào lần chăn nuôi tiếp theo. Đến ngày 10/4/2015, ông G và ông K có cùng nhau tổng kết lại số tiền còn nợ là 171.967.000 đồng. Lúc này ông G đang bị thua lỗ nên không bán thức ăn nữa và yêu cầu vợ chồng ông K thanh toán hết số nợ trên. Tuy nhiên, ông K và bà T chỉ hứa hẹn mà không trả. Do đó, ông G khởi kiện yêu cầu ông K và vợ là bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi là 171.967.000 đồng và lãi suất từ ngày 11/4/2015 đến ngày 11/6/2024 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

171.967.000 đồng x 0.83%/tháng x 110 tháng = 157.005.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn G. Buộc ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị T phải liên đới trả cho ông G số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi là 171.967.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Hồ Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án được xét xử vắng mặt ông K, bà T.

[2] Về nội dung: Ông Huỳnh Văn G khởi kiện yêu cầu ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi là 171.967.000 đồng. Căn cứ để ông G khởi kiện là "giấy xác nhận nợ" (được ghi trên giấy tập học sinh) không đề ngày tháng năm với nội dung: "Tôi tên Hồ Văn K sinh năm 1972, địa chỉ 74 ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre, cùng vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 cùng địa chỉ với tôi .... nợ tiền mua thức ăn của ông Huỳnh Văn G là 171.967.000 đồng ...". Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các Thông báo cho ông K, bà T nhưng ông K, bà T không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông K, bà T như thế nào đối với yêu cầu khởi kiện của ông G cũng như các tài liệu, chứng cứ do ông G cung cấp. Do đó, ông G đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết "Hồ Văn K" ở phía dưới mục "người nợ tiền" trong "giấy xác nhận nợ" (ghi trên giấy tập học sinh) không đề ngày tháng năm. Theo kết luận giám định số 274/KL-KTHS ngày 15/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bến Tre thì chữ viết "Hồ Văn K" phía dưới mục "Người nợ tiền" trên tài liệu cần giám định so với chữ ký "Hồ Văn K" trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

[2.1] Xét thấy, từ kết luận giám định nêu trên có căn cứ để xác định ông K có ghi tên vào "giấy xác nhận nợ" và có nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của ông G là 171.967.000 đồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự, việc

mua bán thức ăn chăn nuôi giữa ông G và ông K là hợp đồng mua bán tài sản. Do ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Vì vậy, ông G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Đối với bà Nguyễn Thị T, mặc dù trong "giấy xác nhận nợ" không có chữ ký của bà T nhưng chính ông K cũng ghi ông cùng vợ là bà Nguyễn Thị T có tổng kết số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi của ông G là 171.967.000 đồng. Đồng thời, theo xác minh tại địa phương thì bà Nguyễn Thị T là vợ của ông K, từ trước đến giờ bà T và ông K cùng nhau chăn nuôi phát triển kinh tế chung của gia đình. Sau thời gian chăn nuôi thua lỗ nên hiện tại không còn chăn nuôi nữa. Căn cứ theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình thì *"Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện....." và " vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng..... nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình"*. Đối chiếu với các quy định trên thì bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Hồ Văn K trả số tiền còn nợ do mua thức ăn chăn nuôi của ông G là 171.967.000 đồng.

[2.3] Về lãi suất: Ông G yêu cầu ông K và bà T cùng liên đới trả tiền lãi từ ngày 11/4/2015 đến ngày 11/6/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng, tương ứng với số tiền là 157.005.000 đồng. Nhận thấy, theo quy định tại khoản 3 Điều 440 thì: *"Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định.."*. Ông G yêu cầu mức lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[2.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G, cần buộc ông K và bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông G số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi với tổng số tiền gốc và lãi là: 171.967.000 đồng + 157.005.000 đồng = 328.972.000 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng là 2.040.000 đồng (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng), ông G tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu của ông G được chấp nhận nên ông G không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ông K và bà T phải chịu là: 328.972.000 đồng x 5% = 16.448.600 đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn G đối với ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị T. Buộc ông K và bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho

ông G số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi là 328.972.000 đồng (ba trăm hai mươi tám triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về chi phí tố tụng là 2.040.000 đồng (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng). Ghi nhận ông G tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm trả lại cho ông Huỳnh Văn G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.974.000 đồng (bảy triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002591 ngày 29/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

- Ông Hồ Văn K và bà Nguyễn Thị T phải chịu là 16.448.600 đồng (mười sáu triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Gẩm